TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 30 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Duy Toán
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Hữu Nghĩa
2. Ông Cao Xuân Lâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa*:** Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo: Phần Văn T, sinh ngày 09/11/1988, tại xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: La Chí; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Phần Dung P, năm sinh 1966 và bà Giàng Thị L, năm sinh 1962; có vợ chị Hoàng Thị N, năm sinh 1993 (đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án: Có 01 tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2017/HSST ngày 21/3/2017, bị Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xử phạt 10 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Về nghĩa vụ chịu án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 12/10/2017; bị cáo thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 10/5/2017; tiền sự: Chưa; nhân thân: Chưa; ngày bị tạm giữ: 01/3/2019, ngày bị tạm giam: 04/3/2019, ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Nguyễn Văn H, Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai bào chữa cho bị cáo Phần Văn T - Có mặt.

- *Người bị hại*:
1. Chị Vàng Thị M, sinh ngày 02/12/1997
Nơi cư trú (tạm trú): Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
2. Anh Thèn Ly H, năm sinh 1971
Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Anh Lê Tuấn L, sinh ngày 12/8/1986
Nơi cư trú (tạm trú): Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
2. Anh Hoàng Seo V, năm sinh 1978
Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
3. Ông Phần Dung P, năm sinh 1966
Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
- *Người làm chứng*:
1. Anh Thền Văn C, năm sinh 1995
Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
2. Anh Lù Trá Đ, sinh ngày 08/7/1995
Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 18/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 12/02/2019, Phần Văn T vào Quán phở của chị Vàng Thị M ở thôn P, xã S, huyện S để ăn phở. Sau khi ăn phở xong, T không có tiền trả, chị M bảo T rửa bát cho chị M để trừ vào tiền ăn phở, nên T đã đi rửa bát cho chị M. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T rửa bát xong, lúc này T nhìn thấy 01 chiếc điện thoại IPHONE 6 màu vàng - trắng của chị M để ở trên bàn thái phở, T nảy sinh ý định trộm cắp, T ngồi quan sát một lúc không thấy có ai để ý nên đã lấy trộm chiếc điện thoại cho vào túi áo khoác rồi đi đến quán điện thoại N ở thôn P, xã S, huyện S để bán. Khi đến quán điện thoại N, T nói dối chiếc điện thoại đó là của T và cắm cho anh Lê Tuấn L là nhân viên cửa hàng điện thoại được 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, nhưng thực tế T không có ý định chuộc lại chiếc điện thoại đó. Sau khi cắm được điện thoại, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng 09 giờ ngày 01/3/2019, T đột nhập vào nhà anh Thèn Ly H trú tại thôn N, xã S, huyện S, mục đích trộm cắp tài sản, khi vào được trong nhà T thấy 01 chiếc máy cưa xích cầm tay để ở đầu giường ngủ trong nhà của anh H, T đã lấy chiếc máy cưa đó cho vào bao tải rồi mang đi bán cho anh Hoàng Seo V trú tại thôn P, xã S được 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Si Ma Cai phát hiện bắt giữ.

Tại bản kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 02/KL-ĐGTS ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện S kết luận giá trị thực tế tài sản tại thời điểm ngày 12/02/2019 như sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu vàng - trắng, số EMEI: 356989062662337, số serial: C7JNW04EG5MF, máy đã qua sử dụng, đã cũ, tổng giá trị xác định là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Tại bản kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 03/KL-ĐGTS ngày 08/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện S kết luận giá trị thực tế tài sản tại thời điểm ngày 01/3/2019 như sau: 01 máy cưa xích cầm tay màu da cam - đen nhãn hiệu YOSEN YD-656500, cũ, đã qua sử dụng, tổng giá trị xác định là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai Quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai để xét xử đối với bị can Phần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai đã truy tố.

- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,h,s khoản 1 Điều 51, điểm g,h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuyên phạt bị cáo Phần Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326 của Quốc hội để tuyên án phí đối với bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,h,s khoản 1 Điều 51, điểm g,h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Phần Văn T mức án 9 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị tạm giữ.

- Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Đề nghị Toà án xét xử đúng pháp luật; về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Do tài sản đã được thu hồi, chị Vàng Thị M và anh Thèn Ly H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự liên quan đến chiếc điện thoại di động và chiếc máy cưa xích cầm tay.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ý kiến của anh Lê Tuấn L: Khoảng 15 giờ ngày 12/02/2019, Phần Văn T đến cửa hàng nơi anh L làm việc để lại chiếc điện thoại IPHONE 6 cho anh L và vay của anh L 500.000 đồng, anh L không biết chiếc điện thoại IPHONE 6 này do T trộm cắp mà có. Khoảng 20 phút sau có anh Thền Văn C xuống quán gặp anh L và hỏi có ai bán chiếc điện thoại IPHONE 6 nào không, sau khi kiểm tra thì anh L đã điện cho anh C biết sự việc. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày cơ quan Công an huyện Si Ma Cai đến làm việc, thì anh L đã nộp chiếc điện thoại IPHONE 6 để phục vụ cho công tác điều tra. Nay anh L không yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền 500.000 đồng;

+ Ý kiến của anh Hoàng Seo V: Ngày 01/3/2019, anh V đã mua 01 chiếc máy cưa xích cầm tay của Phần Văn T với giá là 800.000 đồng, anh V không biết chiếc máy cưa xích cầm tay này do T trộm cắp mà có, cùng ngày anh V đã tự nguyện giao chiếc máy cưa xích cầm tay cho Công an huyện Si Ma Cai. Đến ngày 01/4/2019, ông Phần Dung P là bố đẻ của bị cáo T đã khắc phục hậu quả, ông P đã hoàn trả cho anh V số tiền là 800.000 đồng. Nay anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự liên quan đến chiếc máy cưa xích cầm tay mà anh V đã mua của bị cáo T;

+ Ý kiến của ông Phần Dung P: Ông P là bố đẻ của bị cáo T, khi ông P đến thăm bị cáo T đang bị tạm giam, thì bị cáo T đã tác động để ông P đứng ra thỏa thuận khắc phục hậu quả, ngày 01/4/2019 ông P đã gặp anh Hoàng Seo V để khắc phục hậu quả, ông P đã hoàn trả cho anh V số tiền là 800.000 đồng. Do bị cáo T ở cùng với ông P, nên ông P không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền khắc phục hậu quả cho ông P. Còn đối với khoản tiền là 500.000 đồng của anh Lê Tuấn L, thì ông P không còn tiền để hoàn trả cho anh L.

- Ý kiến của người làm chứng:

+ Ý kiến anh Thền Văn C: Anh C là chồng của chị Vàng Thị M. Khoảng 15 giờ ngày 12/02/2019, anh C nghe chị M điện báo bị mất một chiếc điện thoại IPHONE 6, anh C về nhà mở camera an ninh lên thì thấy một người thanh niên lợi dụng lúc chị M sơ hở đã lấy trộm chiếc điện thoại trên bàn rồi đi, qua hình ảnh camera anh C nhận ra người đó tên là T, sau đó anh C đã tìm ở các cửa hàng điện thoại xem có ai bán điện thoại không, thì anh C phát hiện chiếc điện thoại IPHONE 6 đang ở cửa hàng N, sau đó anh C đến trình báo cơ quan điều tra. Chiếc điện thoại IPHONE 6 là tài sản riêng của chị M.

+ Ý kiến anh Lù Trá Đ: Khoảng hơn 10 giờ ngày 01/3/2019, anh Đ đang điều khiển xe mô tô đi chở ngói, đi đến đoạn đường cua thuộc thôn N thì có Phần Văn T gọi và xin đi nhờ xe, anh Đ đồng ý, khi chở T anh Đ thấy T vác theo một chiếc máy cưa đựng trong một bao tải đỏ, anh Đ hỏi T là mang máy cưa đi đâu, thì T trả lời máy cưa bị hỏng xích, xích không quay, nên mang đi sửa, khi đi đến khu nhà nghỉ Hợp tác xã B, thì T xuống xe, còn anh Đ tiếp tục đi chở ngói. Anh Đ không biết chiếc máy cưa này do T trộm cắp. Sau đó, có anh Thèn Ly H (là người cùng thôn với anh Đ) bị mất chiếc máy cưa đã hỏi hàng xóm, thì anh Đ đã kể lại sự việc trên với anh H.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt tù để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, ý kiến của người bào chữa, lời khai của: Người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người đạt độ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản không trông giữ cẩn thận, nhằm tiếp cận tài sản để thực hiện hành vi lén lút và mong muốn chiếm đoạt được tài sản mà người quản lý tài sản không biết. Giá trị tài sản mà bị cáo: chiếm đoạt lần thứ nhất của chị Vàng Thị M là 2.500.000 đồng, chiếm đoạt lần thứ hai của anh Thèn Ly H là 5.000.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai quyết định truy tố bị cáo Phần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng và dư luận xấu đến trật tự trị an tại địa phương và trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bản thân bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích và lần phạm tội này do cố ý, nên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1

Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Qua xác minh tại địa phương, thì bị cáo thường xuyên đi lang thang, không có việc làm. Vì vậy, cần phải áp dụng mức án phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích, như vậy mới đảm bảo được trật tự xã hội. Tuy nhiên, quá trình bị khởi tố điều tra và tại phiên tòa thấy rằng: bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động để bố đẻ bị cáo là ông Phần Dung P đứng ra thỏa thuận khắc phục hậu quả - ông P đã hoàn trả cho anh Hoàng Seo V số tiền 800.000 đồng, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả; tài sản bị cáo chiếm đoạt gây thiệt hại không lớn và đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,h,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo tuổi đời còn trẻ, chưa có tiền sự và là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hoá 9/12, dẫn đến nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo đã xin lỗi công khai người bị hại tại phiên tòa, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[2] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung bằng tiền. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp tự do, không có việc làm, sống dựa vào gia đình và không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ hoàn trả tài sản: Người bị hại là chị Vàng Thị M và anh Thèn Ly H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự. Xét thấy, việc người bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Anh Lê Tuấn L không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 500.000 đồng; anh Hoàng Seo V đã nhận số tiền 800.000 đồng do bố đẻ bị cáo là ông P hoàn trả, nay anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự; ông Phần Dung P không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền khắc phục hậu quả cho ông P. Xét thấy, việc những người có quyền lợi liên quan đến vụ án không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đồng thời, xét thấy anh L, anh V và ông P không còn liên quan gì đến quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án dân sự đối với phần nghĩa vụ hoàn trả tài sản và quyền kháng cáo đối với bản án, do vậy Hội đồng xét xử không đưa họ vào phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Si Ma Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b,h,s khoản 1 Điều 51, điểm g,h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về mức hình phạt - Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phần Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 01/3/2019.

3. Về án phí: Bị cáo Phần Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại (2);
- Đương sự (3);
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- Người bào chữa;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CQĐT Công an huyện Si Ma Cai;
- CQTHAHS Công an huyện Si Ma Cai;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai;
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS, THAHS (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - C TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tống Duy Toán